

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN NINH KIỀU
THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

Bản án số: 08/2022/DS-ST

Ngày 21/01/2022

V/v “ Tranh chấp hợp đồng vay tài
sản”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN NINH KIỀU, THÀNH PHỐ CẦN THƠ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà **Văng Thị Ngọc Yến**

Các Hội thẩm nhân dân: Bà **Trần Thị Dung**

Bà **Đỗ Thị Lệ Hằng**

**- Đại diện viện kiểm sát nhân dân quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ
tham gia phiên tòa:** Bà **Lê Hoàng Dung** – Kiểm sát viên.

- Thư ký phiên tòa: Bà **Võ An Trinh** - Thư ký Tòa án nhân dân quận Ninh
Kiều, thành phố Cần Thơ.

Trong ngày 21 tháng 01 năm 2022, tại Trụ sở Tòa án nhân dân quận Ninh
Kiều, thành phố Cần Thơ xét xử công khai vụ án dân sự thụ lý số 213/2021/TLST-
DS ngày 25 tháng 5 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số
811/2021/QĐXXST-DS ngày 14 tháng 12 năm 2021, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông **Trần Minh T**, sinh năm 1992, (Có mặt).

Địa chỉ thường trú: Tổ 2, ấp C, xã M, huyện B, tỉnh Vĩnh Long.

Địa chỉ liên lạc: Số A, đường B, phường X, quận N, thành phố Cần Thơ.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Luật sư Phạm
Ngọc Hải, Công ty Luật TNHH MTV Bảo Gia và Cộng sự, Đoàn luật sư thành phố
Cần Thơ.

- Bị đơn: Bà **Dương Mỹ N**, sinh năm 1982, (Có mặt).

Địa chỉ: Số AA, đường B, phường H, quận N, thành phố Cần Thơ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 07/5/2021 và quá trình tố tụng, nguyên đơn ông
Trần Minh T trình bày và yêu cầu:

Do mối quan hệ quen biết nên ông đã nhiều lần cho bà Dương Mỹ N vay tiền
với mục đích đáo hạn ngân hàng, khi nào giải ngân xong bà N sẽ trả lại tiền cho
ông và trả cho ông thêm một khoản lãi; số tiền lãi là do bà N tự trả tùy thuộc vào

số tiền vay và thời gian vay. Đến tháng 6/2020, sau nhiều lần cho bà N vay tiền, tổng số tiền bà N nợ ông là 1.015.000.000 đồng (Một tỷ không trăm mười lăm triệu đồng). Ông đã nhiều lần yêu cầu bà N trả số tiền nêu trên nhưng bà N không thực hiện nghĩa vụ trả nợ như đã cam kết. Do vậy, ông đã có đơn tố cáo bà N về hành vi chiếm đoạt số tiền 1.015.000.000 đồng đến Công an thành phố Cần Thơ. Tại cơ quan Công an, bà N thừa nhận còn nợ ông số tiền 1.015.000.000 đồng và cam kết sẽ trả trong vòng 12 tháng, tuy nhiên, ông không đồng ý cho bà N thời hạn 12 tháng nên khởi kiện bà Ngọc đến Tòa án và yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà N trả lại cho ông số tiền vay 1.015.000.000 đồng và tiền lãi với lãi suất 1,6%/tháng tính từ tháng 6/2020 đến ngày được thi hành án.

Bị đơn bà Dương Mỹ N đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng về yêu cầu khởi kiện của ông Trần Minh T thông báo về việc mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải theo quy định của pháp luật nhưng bà Ngọc vắng mặt và không có ý kiến.

Tại phiên tòa, ông Trần Minh T vẫn giữ ý kiến như đã trình bày, tuy nhiên, ông thay đổi yêu cầu về lãi suất và thời gian tính lãi đối với số tiền bà N đã vay, cụ thể: Ông yêu cầu tính lãi từ ngày 10/01/2021 đến khi bà N trả dứt nợ với lãi suất 10%/năm; tiền lãi tạm tính từ ngày 10/01/2021 đến ngày xét xử sơ thẩm là 12 tháng tính tròn 100.000.000 đồng (một trăm triệu đồng).

Bị đơn bà Dương Mỹ N thống nhất với ý kiến trình bày của ông Trần Minh T về thỏa thuận vay tiền giữa hai bên. Nay bà đồng ý trả cho ông T số tiền vay 1.015.000.000 đồng. Đồng thời, bà thống nhất với ông T về thời gian tính lãi từ ngày 10/01/2021 và lãi suất 10%/năm. Tuy nhiên, do bà đang gặp khó khăn về kinh tế nên xin được giảm lãi và được trả nợ trong thời gian 02 năm.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn trình bày: Vào tháng 6/2020, sau nhiều lần cho vay tiền, tổng số tiền ông Trần Minh T cho bà Dương Mỹ N vay là 1.015.000.000 đồng. Việc vay tiền giữa hai bên tuy không lập biên nhận nhưng tại Cơ quan Cảnh sát điều tra, Công an thành phố Cần Thơ bà N thừa nhận đã vay của ông Tâm số tiền 1.015.000.000 đồng. Đồng thời, tại phiên tòa hôm nay bà N cũng thừa nhận đã vay của ông T số tiền 1.015.000.000 đồng. Nay bà N thống nhất với ông T về số tiền vay, thời gian tính lãi và lãi suất, tuy nhiên, bà N yêu cầu được giảm lãi và được trả nợ trong 02 năm, phía nguyên đơn không đồng ý. Nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả lại số tiền vay 1.015.000.000 đồng là có căn cứ; tiền lãi tính từ ngày 10/01/2021 với mức lãi suất 10%/năm là phù hợp với quy định của pháp luật nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án, vị đại diện Viện kiểm sát nêu ý kiến:

Về tố tụng, Hội đồng xét xử, đương sự chấp hành đúng các quy định của pháp luật về tố tụng. Việc thụ lý, giải quyết của Tòa án là đúng thẩm quyền, xác định đúng quan hệ pháp luật.

Về nội dung, tại phiên tòa, nguyên đơn và bị đơn thống nhất về số tiền bị đơn đã vay của nguyên đơn là 1.015.000.000 đồng, thời gian tính lãi từ ngày 10/01/2021 và lãi suất 10%/năm. Tuy nhiên, các bên không thống nhất về việc giảm lãi và thời hạn trả nợ nên không có cơ sở để công nhận sự thỏa thuận của các đương sự. Xét thấy yêu cầu của nguyên đơn về số tiền vay, lãi suất và thời gian tính lãi là có căn cứ và phù hợp với quy định pháp luật nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết:* Nguyên đơn ông Trần Minh T khởi kiện yêu cầu bà Dương Mỹ N trả lại cho ông số tiền vay 1.015.000.000 đồng. Đây là quan hệ pháp luật về tranh chấp hợp đồng vay tài sản thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại Khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự. Do bị đơn bà Dương Mỹ N cư trú tại số AA, đường B, phường H, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ nên thẩm quyền giải quyết thuộc Tòa án nhân dân quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ theo quy định tại khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] *Về nội dung:* Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, nhận thấy: Theo đơn khởi kiện 07/5/2021, nguyên đơn ông Trần Minh T yêu cầu bà Dương Mỹ N trả cho ông số tiền vay 1.015.000.000 đồng và tiền lãi với lãi suất 1,67%/tháng kể từ tháng 6/2021 đến ngày được thi hành án. Tại phiên tòa, ông Trần Minh T thay đổi yêu cầu khởi kiện, cụ thể: Ông yêu cầu Tòa án buộc bà Dương Mỹ N phải trả cho ông số tiền vay 1.015.000.000 đồng và tiền lãi với lãi suất 10%/năm kể từ ngày 10/01/2021 đến khi bà N trả dứt nợ; Tiền lãi tạm tính đến ngày xét xử sơ thẩm tính tròn là 100.000.0000 đồng. Sự thay đổi yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là giảm về lãi suất và thời gian tính lãi; Sự thay đổi này không vượt quá phạm vi yêu cầu khởi kiện ban đầu nên Hội đồng xét xử chấp nhận việc thay đổi yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[2.1] Xét yêu cầu của nguyên đơn đối với số tiền vay 1.015.000.000 đồng, Hội đồng xét xử nhận thấy, đối với số tiền vay 1.015.000.000 đồng giữa nguyên đơn và bị đơn khi thực hiện việc vay tiền không lập biên nhận, tuy nhiên, tại Biên

bản thỏa thuận ngày 10/12/2020 tại phòng Cảnh sát hình sự Công an thành phố Cần Thơ có xác nhận nội dung: “*Chị Dương Mỹ Ngọc xác nhận hiện tại đang còn nợ anh Trần Minh Tâm số tiền 1.015.000.000 đồng...*” (**BL 21A**). Hơn nữa, tại Thông báo số 416/TB-CSHS ngày 30/3/2021 của Cơ quan Cảnh sát điều tra, Công an thành phố Cần Thơ đã kết luận: “*Qua xác minh đã làm rõ được số tiền 1.015.000.000 đồng là bà Dương Mỹ Ngọc vay, mượn của ông Trần Minh Tâm để kinh doanh và có đóng lãi cho ông Tâm...*” (**BL 22**). Đây là những tình tiết không cần phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Đồng thời, tại phiên tòa bà Dương Mỹ N thừa nhận có vay của ông Trần Minh T số tiền 1.015.000.000 đồng và đồng ý trả cho ông T số tiền đã vay. Như vậy, đủ cơ sở để xác định bà Dương Mỹ N có vay của ông Trần Minh T số tiền là 1.015.000.000 đồng. Nay ông Trần Minh T yêu cầu bà Dương Mỹ N trả lại số tiền vay 1.015.000.000 đồng là có căn cứ.

[2.2] Về lãi suất, ông Trần Minh T và bà Dương Mỹ N thừa nhận khi thỏa thuận vay tiền hai bên có thỏa thuận về việc trả lãi, tuy nhiên, không xác định lãi suất cụ thể. Theo ông T tiền lãi là do bà N tự trả dựa trên số tiền vay và thời gian vay; Bà N thì cho rằng lãi suất bà trả cho ông T là 0,5%/ngày, tuy nhiên bà không có chứng cứ để chứng minh về mức lãi suất phải trả cho ông T. Theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 thì trường hợp các bên có thỏa thuận về việc trả lãi nhưng không xác định rõ lãi suất và có tranh chấp về lãi suất thì lãi suất được xác định bằng 50% mức lãi suất giới hạn tại khoản 1 Điều 468 (tức là 10%/năm). Do vậy, ông Trần Minh T yêu cầu bà N trả tiền lãi với lãi suất 10%/năm là phù hợp.

[2.3] Về thời gian tính lãi, ông Trần Minh T và bà Dương Mỹ N thừa nhận khi thỏa thuận vay tiền giữa hai bên không xác định thời hạn vay, bà N sẽ hoàn trả khoản vay cho ông T trong thời gian ngắn. Tháng 6/2020 ông T đã yêu cầu bà N trả nợ nhưng bà N không thực hiện nghĩa vụ. Đến ngày 10/12/2020, ông T và bà N thống nhất xác nhận nợ, ông T cho bà N thời hạn 30 ngày để trả nợ nhưng bà N vẫn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ. Nay ông Tâm yêu cầu tính lãi từ ngày 10/01/2021 (thời hạn ông T cho bà N trả nợ theo thỏa thuận ngày 10/12/2020 tại Phòng Cảnh sát hình sự, Công an thành phố Cần Thơ). Yêu cầu này của ông Tâm là phù hợp với “thời gian hợp lý” quy định tại Điều 469 Bộ luật dân sự năm 2015 và Điều 6 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao.

[2.4] Do đó, tiền lãi từ ngày 10/01/2021 tính đến thời điểm xét xử sơ thẩm ngày 21/01/2022 là 12 tháng 10 ngày: 1.015.000.000 đồng X 10%/năm X 12 tháng 10 ngày = **101.500.000 đồng** (đã làm tròn). Ông Trần Minh T yêu cầu bà

Dương Mỹ N trả số tiền lãi tính tròn 100.000.0000 đồng là có lợi cho bà N nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Như vậy, tổng số tiền bà Dương Mỹ N phải trả cho ông Trần Minh T là **1.115.000.000** đồng (một tỷ một trăm mười lăm triệu đồng), trong đó tiền gốc là 1.015.000.000 đồng (một tỷ không trăm mười lăm triệu đồng), tiền lãi 100.000.000 đồng (một trăm triệu đồng).

[2.5] Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Đề nghị của Kiểm sát viên, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn là phù hợp nên chấp nhận.

[2.6] Đối với yêu cầu của bị đơn về việc xin giảm lãi và cho bị đơn thời hạn thanh toán là 02 năm, do nguyên đơn không đồng ý nên Hội đồng xét xử không có cơ sở để xem xét.

[3] *Về án phí dân sự sơ thẩm*: Căn cứ vào khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với số tiền phải trả cho nguyên đơn; nguyên đơn được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[4] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 92, Điều 147, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;
- Điều 466, Điều 468, Điều 469 Bộ luật Dân sự năm 2015;
- Điều 5, Điều 6 Nghị quyết số: 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao;
- Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Trần Minh T.

Buộc bị đơn bà Dương Mỹ N phải trả cho ông Trần Minh T số tiền **1.115.000. 000** đồng (một tỷ một trăm mười lăm triệu đồng), trong đó tiền vay là 1.015.000.000 đồng (một tỷ không trăm mười lăm triệu đồng) và tiền lãi là 100.000.000 đồng (một trăm triệu đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bị đơn bà Dương Mỹ N phải chịu 45.450.000 đồng (Bốn mươi lăm triệu bốn trăm năm mươi nghìn đồng).

Nguyên đơn ông Trần Minh T được nhận lại 23.661.000 đồng (Hai mươi ba triệu, sáu trăm sáu mươi một nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí sơ thẩm theo biên lai số 0001067 ngày 20/5/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND TP.CT;
- VKSND TP.CT;
- VKSND.Q.NK;
- Chi cục THADS Q.NK;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Văng Thị Ngọc Yến